

Số: 97A/KH-TMN

Nam Hồng, ngày 11 tháng 9 năm 2025

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
(NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC)
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Điều lệ trường mầm non ban hành;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND Tỉnh Ninh Bình về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 93/KH- TrMNNT ngày 10 tháng 9 năm 2025 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường mầm non Nam Thắng;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

Trường Mầm non Nam Thắng xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm, lớp

Nhà trường có tổng 2 khu (khu số 1: Thôn Đại An; Khu số 2: Thôn Dương A)

Có tổng số nhóm, lớp: 13. Trong đó

+ Lớp 5 - 6 tuổi: 3 lớp

+ Lớp 4 - 5 tuổi: 4 lớp

+ Lớp 3 - 4 tuổi: 3 lớp

+ Nhóm 25 - 36 tháng tuổi: 3 nhóm

2. Đội ngũ giáo viên

Tổng số CBGV, NV: 39 người .

+ Cán bộ quản lý: 02

+ Giáo viên: 27 người

+ Nhân viên: 10 người. Trong đó

{ 01 nhân viên kế toán
05 nhân viên nấu ăn
02 nhân viên bảo vệ

02 nhân viên vệ sinh

3. Các điều kiện để thực hiện chương trình

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị
- Bổ sung mua sắm đồ dùng thiết bị cho bếp ăn: Bổ sung thêm cân chia thức ăn. Rà soát và lên kế hoạch sửa chữa, mua sắm một số đồ dùng bị hỏng, bảo dưỡng, bổ sung thêm chần chiếu, bát, thìa, ca cốc... và các đồ dùng chăm sóc nuôi ăn bán trú.
- Tiếp tục thực hiện công tác XHHGD huy động nguồn lực để tăng cường đầu tư, mua sắm bổ sung trang thiết bị chăm sóc- nuôi dưỡng trẻ.
- Loại bỏ những đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị sắc nhọn, không an toàn đối với trẻ.
- 100% CBGVNV khai thác các phần mềm, ứng dụng tuyên truyền hiệu quả về chế độ sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng hằng ngày của trẻ.
- Xây dựng tài chính công khai về thực đơn, khẩu phần ăn của trẻ. Công khai thực đơn hàng tuần trên bảng biểu, các góc tuyên truyền.
- Tuyên truyền qua bản tin của lớp: Chỉ đạo các nhóm lớp xây dựng góc tuyên truyền về dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm, cách phòng chống các dịch bệnh theo mùa, chế độ dinh dưỡng cho các độ tuổi. Góc tuyên truyền đẹp về hình thức, phong phú về nội dung.
- Tuyên truyền sâu rộng kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, nuôi con theo khoa học
- + Tăng cường tuyên truyền chủ đề vệ sinh phòng bệnh phòng chống dịch chủ động theo mùa đặc biệt chú trọng các bệnh: sốt xuất huyết, thủy đậu, dịch tả, cúm A...

4. Đánh giá chung

a. Thuận lợi

- Nhà trường được sự quan tâm của các cấp ủy đảng chính quyền địa phương, sự ủng hộ của các bậc phụ huynh học sinh đã xây dựng cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp.
- Công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường luôn phát triển, cơ sở vật chất trường lớp khang trang, sạch đẹp.
- Các nhóm, lớp có đủ trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc chăm sóc giáo dục trẻ.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên:
 - + 24/29 = 85,7% đạt trình độ trên chuẩn
 - + 05/29 = 14,3% đạt trình độ chuẩn
- Trường có 13/13 nhóm lớp thực hiện theo chương trình GDMN (nhà trẻ 3 nhóm; mẫu giáo 10 lớp được tách triệt để theo đúng độ tuổi)
- Nhà trường thực hiện có hiệu quả chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chủ đề năm học.
- Phụ huynh nhận thức rõ về tầm quan trọng của chương trình giáo dục mầm non nên rất quan tâm đến trẻ.

- Làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống một số loại dịch bệnh theo mùa.
- Hàng năm, nhà trường được trung tâm y tế huyện kiểm tra đánh giá bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm.

b. Khó khăn:

- Chất lượng việc ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên đôi khi còn hạn chế, chưa thường xuyên.
- Trang thiết bị hiện đại và phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.
- Đồ dùng đồ chơi của các nhóm lớp chưa phong phú về chủng loại.
- Trường không có nhân viên y tế nên công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ gặp nhiều khó khăn: theo dõi sức khỏe, sơ cứu ban đầu...
- Độ tuổi nhà trẻ học sinh đi học số lượng còn ít so với chỉ tiêu vì địa phương còn 1 số nhóm trẻ gia đình tự phát (chưa được cấp phép).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác nuôi dưỡng

a) Nhiệm vụ

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ tại trường, lớp
- 100% trẻ đến trường được nuôi ăn bán trú tại trường cụ thể
 - + Nuôi nhà trẻ: $75/75 = 100\%$; Nuôi mẫu giáo: $284/284 = 100\%$.
- Tổ chức họp phụ huynh thoả thuận, thống nhất tăng mức thu ăn bán trú cho trẻ để đảm bảo chất lượng bữa ăn cụ thể:
 - Mức tiền ăn: 19.000đồng/trẻ/ngày trong đó:
 - + Tiền ăn: 18.000đ
 - + Chất đốt và phụ phí: 1.000 đ.
 - Chế độ ăn của trẻ:
 - + Nhà trẻ: Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ.
 - + Mẫu giáo: Ăn 1 bữa chính, 1 bữa phụ
- 100% trẻ đến trường được học 2 buổi trên ngày, được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, được khám sức khỏe định kỳ 3 lần/ năm và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng cụ thể:
 - + Trẻ từ 24 tháng tuổi trở lên chấm theo quý
 - + Trẻ dưới 24 tháng tuổi trở xuống chấm theo tháng
- Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thấp còi dưới 2%.
 - Đảm bảo đủ nhân viên nuôi dưỡng theo định mức (50 trẻ/1 nhân viên nấu ăn), hợp đồng từ 5 nhân viên trở lên theo số trẻ ăn bán trú theo từng thời điểm
 - 02/02 bếp ăn thực hiện tốt các yêu cầu về an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ; Thực hiện tốt quy trình kiểm thực 3 bước.

b) Giải pháp

- Tăng cường quán triệt và nghiêm túc thực hiện các văn bản quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn trường học; triển khai thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong nhà trường.

- Đẩy mạnh việc giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe cho trẻ; Thực hiện tốt công tác y tế trường học.

- Tổ chức tập huấn về công tác nuôi dưỡng theo chương trình GDMN; Quản lý việc tổ chức bữa ăn cho trẻ tại trường. Thực hiện nghiêm túc việc cho trẻ ăn bán trú theo quy định.

- Có kế hoạch bổ sung đồ dùng nuôi dưỡng đảm bảo cho việc tổ chức công tác nuôi ăn bán trú an toàn cho trẻ ở trường.

- Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức công tác nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố thời gian tổ chức bữa ăn phù hợp; phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, khắc phục những yếu tố nguy cơ gây mất an toàn để đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại lớp.

- Ban giám hiệu xây dựng thực đơn theo mùa, 2 tuần không lặp lại, hàng ngày tính khẩu phần ăn theo quy định để điều chỉnh định lượng kịp thời.

- Chú trọng cải tiến các món ăn và phối hợp các món ăn trong ngày hợp lý. Tăng cường Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ, tăng cường rau xanh cho trẻ trong các bữa ăn, đảm bảo có 5-8 nhóm thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày

- Hợp phụ huynh học sinh công khai việc hợp đồng với các công ty cung cấp thực phẩm để cung cấp thực phẩm cho nhà trường như: Hợp đồng cung cấp thực phẩm với công ty TNHH thương mại phát triển Trần Anh Địa chỉ: 26/442 Vũ Hữu Lợi - Phường Cửa Nam - Thành phố Nam Định; Hợp đồng cung cấp sữa với hộ kinh doanh: Trần Thị Vân Anh - Địa chỉ: Số 5/155 Trường Chinh - Phường Bà Triệu - Nam Định

- Đẩy mạnh việc giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe cho trẻ; Thực hiện tốt công tác y tế trường học.

- Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ đảm bảo theo quy định 3 lần/năm và theo dõi thể lực của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng.

2. Chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ

a) Nhiệm vụ

Thực hiện các tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non. Tiếp tục phấn đấu tăng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi, giữ vững tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường, lớp.

Thực hiện theo Chỉ thị số 505/CT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Thực hiện theo quy định các tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, tạo điều kiện giáo viên, nhân viên được tham gia các buổi tập huấn để được trang bị kiến thức, kỹ năng cũng như quy định về an toàn thực phẩm. Đảm bảo tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt việc chế biến và lưu mẫu thực phẩm đầy đủ. Sử dụng và sắp xếp đồ dùng nhà bếp gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo theo quy trình bếp một chiều.

Thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y Tế, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong các cơ sở Giáo dục mầm non.

Thực hiện theo chỉ đạo về các loại sổ sách Bán trú và các biểu mẫu theo quy định của Y tế.

Sử dụng nguồn nước sạch trong chế biến thức ăn cho trẻ, nguồn thực phẩm có chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đầu tư mua sắm thiết bị, đồ dùng nhà bếp đảm bảo đúng quy định.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống thừa cân béo phì. Tìm hiểu nguyên nhân và đề ra các giải pháp để phục hồi suy dinh dưỡng cho trẻ trong nhà trường.

b) Giải pháp

Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn, công tác vệ sinh ATTP, chỉ đạo tốt việc tính khẩu phần ăn cho trẻ, .

Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa, trong tuần không lặp lại. Quản lý chặt chẽ chất lượng, định lượng, khẩu phần ăn của trẻ, lưu mẫu thức ăn và công khai tài chính về chế độ ăn của trẻ đầy đủ kịp thời đúng quy định.

Thỏa thuận với phụ huynh học sinh về mức tiền ăn của trẻ nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn, thực hiện tốt việc tính khẩu phần ăn cho trẻ

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tại các nhóm lớp, bếp ăn. Tổ chức tốt giờ ăn cho trẻ theo quy chế, đảm bảo khoảng cách giữa các giờ ăn của trẻ. Nắm bắt và xử lý tình huống kịp thời

Hợp đồng thực phẩm với các công ty TNHH Thương mại phát triển Trần Anh. Địa chỉ: 26/442 Vũ Hữu Lợi, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình;

Hợp đồng sữa với hộ doanh nghiệp Trần Thị Vân Anh. Địa chỉ: 5/156 đường Trường Chinh, Phường Bà triệu, Tỉnh Ninh Bình

Xét nghiệm nước theo quy định.

Nhân viên nuôi dưỡng được trang bị đầy đủ đồng phục, bảo hộ lao động theo quy định. Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành và tay nghề cho đội ngũ nhân viên nuôi dưỡng.

Dụng cụ đựng, chế biến thực phẩm sống và chín riêng biệt. Lưu mẫu thức ăn đúng 24 giờ, đủ lượng, ghi chép sổ sách theo quy định hằng ngày.

Ban giám hiệu có kế hoạch kiểm tra đột xuất, kiểm tra đầu giờ, cuối ngày, giám sát việc thực hiện một số công tác như chế độ vệ sinh, trang phục bảo hộ lao động, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Cho trẻ ăn theo đúng chế độ, đủ nhu cầu. Có chế độ riêng cho những trẻ suy dinh dưỡng, sau khi bị ốm vào hoặc những trẻ có tiềm sử bị dị ứng với thức ăn. Tổ chức cân đo, khám sức khỏe cho trẻ, trao đổi với phụ huynh có biện pháp kết hợp bồi dưỡng trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì

3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3.1. Đổi mới hoạt động giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non

a) Nhiệm vụ

Thực hiện tốt Chương trình GDMN sửa đổi theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT.

- Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2020 - 2025, đẩy mạnh xây dựng môi trường giáo dục, đổi mới việc tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; hướng dẫn theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ theo quy định của Chương trình GDMN.

- Đẩy mạnh thực hiện phương châm giáo dục “Học thông qua vui chơi, trải nghiệm” trong cơ sở GDMN, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo để phát triển toàn diện; triển khai thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng hợp lý và chế độ vận động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho trẻ trong các cơ sở GDMN. Triển khai các mô hình phối hợp giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện Chương trình GDMN, đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục; rèn luyện các kỹ năng, giúp trẻ nhận thức về bản thân: sự tự tin, tự lực, thực hiện những quy tắc an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản; hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết: thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó; hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình,

cộng đồng, bạn bè và môi trường...tạo cho trẻ có nhiều cơ hội được thực hành khám phá, trải nghiệm và sáng tạo. Hình thành cho trẻ các thói quen vệ sinh, hành vi văn minh, ý thức bảo vệ môi trường sống và kỹ năng sống cho trẻ.

- Phát động phong trào làm thiết bị dạy học, đồ chơi từ nguyên liệu sẵn có của địa phương, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chuyên đề giáo dục phát triển triển vận động, lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng và giáo dục thể chất vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

b) Giải pháp

Trang bị đầy đủ tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN cho CBQL và GV để nghiên cứu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; tham gia và tổ chức tập huấn, thực hành, hỗ trợ giáo viên tổ chức thực hiện tốt Chương trình GDMN và phát triển Chương trình GDMN phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Tổ chức tốt các ngày hội, ngày lễ, thực hiện tốt chương trình GDMN, xây dựng trường học An toàn - Xanh - Sạch - Đẹp.

- Chỉ đạo xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường chữ viết bên trong và ngoài nhóm/lớp, tạo điều kiện để trẻ phát triển ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp cho trẻ, đặc biệt là khả năng tự tin, sử dụng ngôn ngữ mạch lạc, biểu cảm ở mọi nơi mọi lúc.

- Triển khai thực hiện kế hoạch tích hợp giáo dục “Văn hóa địa phương” vào chương trình GDMN;

- Ban giám hiệu thực hiện đúng Điều 16 và 17 Điều lệ trường MN; Thông tư 48/2011/TT-BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với GVMN; cùng tham gia sinh hoạt chuyên môn, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động, thường xuyên kiểm tra, theo dõi giúp đỡ.

- Tăng cường dự giờ, thăm lớp, đúc rút kinh nghiệm trong thực hiện chương trình GDMN. Thực hiện tốt việc đánh giá trẻ hàng ngày, cuối độ tuổi, cuối chủ đề. Kiểm tra việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện chương trình GDMN, bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1.

3.2. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm

a. Chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025

*** Chỉ tiêu:**

- 13/13 nhóm, lớp tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

- 13/13 nhóm, lớp được bổ xung trang, thiết bị, đảm bảo môi trường trong và ngoài lớp phong phú, đa dạng, hấp dẫn trẻ

*** Biện pháp:**

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch và triển khai chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” năm học 2025 - 2026, triển khai tới 100% cán bộ, giáo viên.

- Tăng cường việc làm đồ dùng, đồ chơi và bổ sung thiết bị cho các nhóm, lớp.
- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để huy động nguồn lực cho việc thực hiện chuyên đề.
- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực thực hành xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm với các nội dung:
 - + Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
 - + Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
 - + Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
 - + Đánh giá sự phát triển của trẻ
 - + Sự phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.
- Tổ chức đánh giá chuyên đề theo 27 tiêu chí.

b. Chuyên đề “Tăng cường phòng chống bạo hành trẻ em”

*** Chỉ tiêu:**

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ trong khi ở trường.
- Xây dựng nội dung tuyên truyền các văn bản quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện phòng, chống bạo lực học đường, tập huấn các biện pháp phòng, chống bạo hành trẻ; kỹ năng ứng xử với các tình huống bạo hành
- Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học; Xây dựng các kênh thông tin tiếp nhận bạo lực trong trường; Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo hành trẻ trong nhà trường.
- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, cộng đồng, tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác phòng, chống bạo hành trẻ.
- Tổ chức tuyên truyền về phòng, chống bạo hành trẻ trong nhà trường.
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên nhận thức đúng đắn và thực hiện quy định của các cấp về công tác phòng, chống bạo lực học đường.
- 13/13 nhóm, lớp không để xảy ra tình trạng bạo lực học đường.

*** Biện pháp:**

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường.
- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, giáo viên, nhân viên về công tác phòng chống bạo lực học đường.
- Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện trong nhà trường: Tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, tập thể có tính cộng đồng - xã hội, nhằm tạo cơ hội cho trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế. Thực hiện các phương pháp giáo dục tích cực, không bạo lực đối với trẻ.
- Nâng cao năng lực, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tổ chức đánh giá, rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với chuyên môn, năng lực cá nhân, đảm bảo trong nhà trường không có cán bộ quản lý, giáo viên và

nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn nghiệp vụ. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với giáo viên có hành vi bạo lực.

- Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về nâng cao đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo và việc áp dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục tích cực trong nhà trường.

- Tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực học đường cho giáo viên

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng , chống bạo lực học đường tại nhà trường.

- Chỉ đạo cho giáo viên xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép nội dung phòng chống bạo lực học đường vào việc tổ chức các hoạt động dạy.

c. Chuyên đề chương trình “Tôi yêu Việt Nam”

*** Chỉ tiêu:**

- Chỉ đạo tổ chuyên môn và các nhóm lớp xây dựng các hoạt động giáo dục và lồng ghép về ATGT trong các hoạt động trong ngày giúp trẻ nắm bắt được tầm quan trọng và ý thức khi tham gia giao thông.

- Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, công trường an toàn, bố trí mô hình sân chơi giao thông cho trẻ thực hành.

- Chỉ đạo 100% lớp mẫu giáo đưa nội dung giáo dục an toàn giao thông vào các hoạt động giáo dục phù hợp với các chủ đề trong năm học.

- 100% trẻ mẫu giáo nắm được kiến thức sơ đẳng về an toàn giao thông. Biết chấp hành các quy định an toàn giao thông.

- 100% các lớp có bảng tuyên truyền về các quy định giao thông.

- Phối hợp với phụ huynh, cộng đồng thống nhất trong giáo dục ATGT cho trẻ.

*** Biện pháp:**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về giáo dục ATGT: Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, chấp hành pháp luật của người học, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên trong nhà trường, phụ huynh và các ban ngành về ý thức khi tham gia giao thông.

- Tích hợp nội dung giáo dục ATGT vào các hoạt động giáo dục trong các chủ đề trong năm học nhằm mục đích trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng về giáo dục ATGT cho trẻ..

- 100% trẻ 3-5 tuổi trong nhà trường được tham gia, hình thành nhận thức, kỹ năng, thái độ cho trẻ về an toàn giao thông (ATGT).

- Nâng cao ý thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về nâng cao giáo dục ATGT cho CB, GV, NV trong nhà trường cũng như tổ chức chuyên đề về các hoạt động giáo dục cho GV trong tổ mẫu giáo.

- Các nội dung kết hợp được lồng ghép, tích hợp vào tất cả các hoạt động trong ngày, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và nhận thức của trẻ ở từng độ tuổi khác nhau.

3.3. Mục tiêu, dự kiến chủ đề, sự kiện, nội dung hoạt động các độ tuổi
(theo Phụ lục đính kèm)

4. Công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

4.1. Nhiệm vụ

a. Chỉ tiêu:

- 100% Cán bộ, giáo viên có bài viết tuyên truyền để tuyên truyền trên bảng tuyên truyền và trên trang Website; Facebook; Zalo... của trường và nhóm lớp
- 13/13 nhóm, lớp có đầy đủ góc tuyên truyền về học tập và các hoạt động khác.

b. Giải pháp:

- Đầu năm học nhà trường tổ chức hội nghị nhà giáo, CBQL Giáo dục, người lao động;
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.
- Hàng tháng, tuần đăng tải thực đơn của trẻ, bài viết tuyên truyền; lịch công tác của trường lên trang Website của trường đảm bảo đúng quy định
- Tăng cường chủ động trong công tác tuyên truyền, chú ý tuyên truyền về vai trò, vị trí của GDMN, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, chủ đề năm học, các chuyên đề trọng tâm
- Nhà trường tuyên truyền bằng nhiều hình thức nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ, đội ngũ và cộng đồng về phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ có khó khăn về các lĩnh vực phát triển
- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ tới các bậc PHHS và cộng đồng bằng nhiều hình thức đảm bảo hiệu quả, phù hợp có sức lan tỏa sâu rộng.
- Phối hợp với địa phương để viết bài, đưa tin về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, an toàn trường học, thực hiện các chủ đề trong năm học...vv.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu nhà trường

1.1. Nhiệm vụ của Hiệu trưởng: Đ/c Lâm Thị Thục

- Quản lý chung các hoạt động trong nhà trường
- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng khác trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

- Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; Quyết định khen thưởng.

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; Dự giờ, tham gia các hoạt động giáo dục 02 giờ trong một tuần.

- Duyệt kế hoạch chuyên môn khối nhà trẻ.

2. Nhiệm vụ của Phó hiệu trưởng: Đ/c Bùi Thị Ngát

- Thực hiện các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công

- Phụ trách công tác chuyên môn, công tác nuôi ăn bán trú (Xây dựng thực đơn ăn, tính khẩu phần ăn cho trẻ)

- Phụ trách các phân mềm: Phổ cập giáo dục, cơ sở dữ liệu ngành, Edu

- Duyệt kế hoạch chuyên môn khối mẫu giáo

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; Dự giờ, tham gia các hoạt động giáo dục 04 giờ trong một tuần.

- Chỉ đạo công tác văn hóa, văn nghệ trong nhà trường.

3. Các tổ chuyên môn và văn phòng

*** Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo: Đ/c Lâm Thị Hòa**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn chung của tổ mẫu giáo, giúp tổ viên thực hiện kế hoạch công tác, triển khai nội dung sinh hoạt chuyên môn theo tổ, triển khai việc thực hiện các chủ đề.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong tổ theo quy định 2 lần/tháng.

- Xây dựng các hoạt động dạy mẫu, hoạt động thao giảng của tổ

- Hướng dẫn làm đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề, chỉ đạo cho các nhóm, lớp trang trí môi trường trong và ngoài lớp.

- Hướng dẫn giáo viên thực hiện nội dung chuyên môn trong tháng và học tập BDTX theo kế hoạch.

- Tham gia kiểm tra đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên trong tổ.

- Thực hiện công tác dạy học và giáo dục của một giáo viên

*** Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ: Đ/c Phạm Thị Hằng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn chung của tổ nhà trẻ, giúp tổ viên thực hiện kế hoạch công tác, triển khai nội dung sinh hoạt chuyên môn theo tổ, triển khai việc thực hiện các chủ đề.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong tổ theo quy định 2 lần/tháng.

- Xây dựng các hoạt động dạy mẫu, hoạt động thao giảng của tổ

- Hướng dẫn tổ viên làm đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề, chỉ đạo cho các nhóm, lớp trang trí môi trường trong và ngoài lớp.

- Hướng dẫn giáo viên thực hiện nội dung chuyên môn trong tháng và học tập BDTX theo kế hoạch.

- Tham gia kiểm tra đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên trong tổ

- Thực hiện công tác dạy học và giáo dục của một giáo viên.

4. Nhiệm vụ của tổ phó chuyên môn.

*** Tổ phó chuyên môn mẫu giáo: Đ/c Đoàn Thị Yến**

- Chịu trách nhiệm giúp Tổ trưởng chuyên môn tổ chức, thực hiện công tác nghiệp vụ chuyên môn của tổ.

- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của của tổ mẫu giáo

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên trong tổ

- Thực hiện công tác dạy học và giáo dục của một giáo viên

*** Tổ phó chuyên môn nhà trẻ: Đ/c Trần Thị Hiền Trang**

- Chịu trách nhiệm giúp Tổ trưởng chuyên môn tổ chức, thực hiện công tác nghiệp vụ chuyên môn của tổ.

- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của của tổ nhà trẻ.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên trong tổ

- Thực hiện công tác dạy học và giáo dục của một giáo viên

5. Nhiệm vụ của tổ văn phòng, tổ trưởng tổ văn phòng.

*** Tổ trưởng văn phòng: đ/c Lâm Thị Vượng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của tổ văn phòng cho các thành viên trong tổ

- Tổng hợp các loại sổ liệu báo cáo về các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động khác của nhà trường

- Giúp hiệu trưởng quản lý, theo dõi sử dụng tài sản cơ sở vật chất thiết bị đồ dùng được cấp có hồ sơ lưu trữ đầy đủ theo quy định

- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

- Tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên

- Tổ chức sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của tổ nuôi dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chăm sóc của giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện các quy định về công tác nuôi dưỡng.

7. Giáo viên

- Quản lý nhóm, lớp được phân công phụ trách, quản lý trẻ đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần và tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường.

- Lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo tính đổi mới sáng tạo linh hoạt với điều kiện của nhóm lớp và lấy trẻ làm trung tâm

- Tổ chức thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã xây dựng đảm bảo đổi mới linh hoạt sáng tạo theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm,

- Luôn giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; thực hiện quy tắc ứng xử của giáo viên, các quy định về đạo đức nhà giáo theo quy định.

- Có Bản cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo

- Phối hợp với, cha mẹ và cộng đồng trong các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ

- Luôn thực hiện quy định của nhà trường và các quy định khác của pháp luật; và đảm bảo các nghĩa vụ của người công dân nơi cư trú

8. Nhân viên

*** Nhân viên kế toán**

- Quản lý tài chính và ngân sách

- Lập kế hoạch ngân sách hàng năm, dự toán các khoản thu, chi

- Quản lý tài chính và ngân sách

- Lập báo cáo tài chính định kỳ

- Quản lý sổ, sách kế toán trường mầm non

- Tuân thủ các quy định pháp luật của tài chính

*** Nhân viên nuôi dưỡng**

- Vệ sinh bếp sạch sẽ, và dụng cụ chế biến thức ăn, dụng cụ chia ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Giao nhận thực phẩm đúng, đảm bảo ATTP

- Chế biến các món ăn theo đúng thực đơn đã lên, đảm bảo dinh dưỡng và phù hợp với trẻ

- Phân chia bữa ăn cho trẻ đúng giờ, đúng định lượng

*** Nhân viên bảo vệ**

- Tuần tra, canh gác khắp khuôn viên trường học để đảm bảo an ninh trật tự.

- Kiểm soát ra vào cổng trường, kiểm tra giấy tờ của người ra vào.

- Bảo vệ tài sản của nhà trường như trang thiết bị, cơ sở vật chất.

- Phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn khi cần thiết.

- Báo cáo các vụ việc mất an ninh, trật tự cho ban giám hiệu nhà trường.

- Xử lý các tình huống phát sinh như học sinh gây rối, người lạ xâm nhập trái phép.

LỊCH TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG

Thời gian	Nội dung công việc	Bổ sung và điều chỉnh
Tháng 08/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra phổ cập, tập huấn chuyên môn hè, tham gia học lớp bồi dưỡng chính trị hè năm 2025 - Vệ sinh môi trường trong ngoài lớp, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất để đón trẻ tựu trường - Tổng hợp trẻ từ 0-5 tuổi theo PC - Mở lớp đón trẻ, rèn kĩ cương, nề nếp cho trẻ 	
Tháng 09/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng KH CSNDGD năm học 2025-2026 - Tổ chức khai giảng năm học mới - Triển khai chuyên môn đầu năm học 2025-2026. - Dự sinh hoạt chuyên môn theo tổ - Rà soát công tác huy động và quản lý trẻ từ 0-5 tuổi theo phổ cập. Cập nhật số trẻ đi, đến học trái tuyến trong nhà trường. - Rà soát tiêu chí trường học ATPCTNTT trong các cơ sở GDMN - Họp BDD CMHS, họp phụ huynh học sinh các lớp đầu năm học - Kết hợp trạm y tế khám sức khỏe cho trẻ - Tổng hợp thể lực trẻ toàn trường 	
Tháng 10/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia Hội nghị cán bộ, nhà giáo, người lao động năm học 2025 - 2026. - Tổ chức “Bé vui đón tết trung thu Năm 2025” cho trẻ. - Kiểm tra các nhóm, lớp về thực hiện nhiệm vụ đầu năm học 2025-2026 - Kiểm tra nề nếp huy động số lượng trẻ ra lớp đầu năm học. - Dự sinh hoạt chuyên môn theo tổ - Kiểm tra chuyên đề, toàn diện giáo viên theo KHKTNB - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. - Cập nhật phần mềm Phổ cập GD Xoá mù chữ 	
Tháng 11/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật và thực hiện các nội dung theo văn bản chỉ đạo của các cấp. - Kiểm tra chuyên đề, toàn diện giáo viên theo 	

	<p>KHKTNB</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng ứng chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 - Dự SH chuyên môn theo tổ - Chỉ đạo các nhóm, lớp tổ chức các hoạt động xây dựng kho học liệu trực tuyến dùng chung phục vụ hoạt động chuyên môn GDMN. 	
Tháng 12/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra toàn diện, chuyên đề giáo viên theo KHKTNB - Dự SH chuyên môn theo tổ - Làm, nộp báo cáo thống kê giữa kỳ. - Kiểm tra việc tổ chức ăn cho trẻ - Tiếp tục huy động trẻ ra lớp. - Tổng hợp thể lực khám sức khỏe của trẻ quý II 	
Tháng 01/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Nghỉ tết dương lịch - Sơ kết học kỳ 1 - Rèn kỹ cương nền nếp trường học - Bổ sung hồ sơ trẻ sinh cuối năm 2025 vào hồ sơ phổ cập - Dự SH chuyên môn theo tổ - Kiểm tra toàn diện và chuyên đề GV theo KHKTNB 	
Tháng 02/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc học tập BDTX của giáo viên. - Kiểm tra toàn diện, chuyên đề GV theo KHKTNB - Dự SH chuyên môn theo tổ - Ổn định nền nếp trường học sau nghỉ tết nguyên đán năm 2025. - Tổ chức “Bé vui đón tết cổ truyền” - Báo cáo tình hình trước, trong và sau tết - Tiếp tục huy động trẻ nhà trẻ ra lớp. - KT việc trang trí lớp theo chủ đề 	
Tháng 03/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày thành lập đoàn 26/3 - Tổng hợp thể lực khám sức khỏe của trẻ quý III - Dự SH chuyên môn theo tổ - Kiểm tra toàn diện, chuyên đề giáo viên theo KHKTNB - Tổng hợp thống kê trẻ ra lớp tháng 01. 	
Tháng 04/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra toàn diện và chuyên đề GV theo kế hoạch 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện chuyên đề “phòng chống bạo hành, đảm bảo an toàn cho trẻ” - Xây dựng hoạt động kỷ niệm ngày giỗ tổ Hùng Vương - Nghi Giỗ tổ Hùng Vương (theo lịch chung) 	
Tháng 05/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra toàn diện và chuyên đề GV theo kế hoạch - Tự đánh giá trường học an toàn PCTNTT trường học năm học 2025-2026. - Đánh giá chuẩn hiệu trưởng, hiệu phó và giáo viên, đánh giá viên chức - Tổ chức đánh giá trẻ cuối năm - Bình xét thi đua cuối năm - Tổ chức họp phụ huynh cuối năm học và rà soát nhu cầu gửi trẻ trong dịp hè năm 2026 - Tổng kết năm học 2025-2026 và lễ ra trường cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi; Tổ chức tết thiếu nhi 1/6 - Kiểm kê cơ sở vật chất cuối năm học 2025-2026 - Tổng kết công tác học tập BDTX 	

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Tổ chuyên môn;
- Lưu VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Ngát**PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG****Lâm Thị Thục**

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, NỘI DUNG - HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường mầm non Nam Thăng năm học 2025-2026)

I. Độ tuổi nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	Từ ngày 08/9 đến hết ngày 12/09/2025	Trường mầm non của bé (Ngày hội đến trường của bé)	
		Từ ngày 15/9 đến hết ngày 19/09/2025	Lớp học của bé	
		Từ ngày 22/9 đến hết ngày 26/09/2025	Đồ chơi của bé	
		Từ ngày 29/9 đến hết ngày 03/10/2025	Các cô các bác trong trường MN	
2	Bé và các bạn	Từ ngày 06/10 đến hết ngày 10/10/2025	Bé và các bạn (Tết trung thu 15/08)	
		Từ ngày 13/10 đến hết ngày 17/10/2025	Các bạn của bé	
		Từ ngày 20/10 đến hết ngày 24/10/2025	Cô giáo và các bạn (Ngày phụ nữ VN 20/10)	
		Từ ngày 27/10 đến hết ngày 31/10/2025	Cơ thể của bé	
3	Gia đình của bé	Từ ngày 03/11 đến hết ngày 07/11/2025	Bé và những người thân	
		Từ ngày 10/11 đến hết ngày 14/11/2025	Gia đình của bé	
		Từ ngày 17/11 đến hết ngày 21/11/2025	Ngôi nhà của bé (Ngày nhà giáo VN 20/11)	
		Từ ngày 24/11 đến hết ngày 28/11/2025	Đồ dùng trong gia đình bé	
4	Những con vật đáng yêu	Từ ngày 01/12 đến hết ngày 05/12/2025	Những con vật nuôi trong GD	
		Từ ngày 08/12 đến hết ngày 12/12/2025	Những con vật sống dưới nước	
		Từ ngày 15/12 đến hết ngày 19/12/2025	Một số con trùng-Chim	
		Từ ngày 22/12 đến hết ngày 26/12/2025	Những con vật sống trong rừng (Ngày thành	

			lập QĐNDVN 22/12) (Lễ giáng sinh)	
5	Cây xanh và hoa quả rau	Từ ngày 29/12 đến hết ngày 02/01/2026	Những bông hoa đẹp	
		Từ ngày 05/01 đến hết ngày 09/01/2026	Vườn cây của bé	
		Từ ngày 12/01 đến hết ngày 16/01/2026	Các loại quả bé thích	
		Từ ngày 19/01 đến hết ngày 23/01/2026	Một số loại rau	
6	Tết và mùa xuân	Từ ngày 26/01 đến hết ngày 30/01/2026	Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết	
		Từ ngày 02/02 đến hết ngày 06/02/2026	Ngày tết vui vẻ	
		Từ ngày 23/02 đến hết ngày 27/02/2026	Tết và mùa xuân	
		Từ ngày 02/3 đến hết ngày 06/03/2026	Mùa xuân với bé	
7	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?	Từ ngày 09/03 đến hết ngày 13/03/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		Từ ngày 16/3 đến hết ngày 20/03/2026	Phương tiện giao thông đường sắt	
		Từ ngày 23/3 đến hết ngày 27/03/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
		Từ ngày 30/3 đến hết ngày 03/04/2026	Phương tiện giao thông đường hàng không	
8	Mùa hè với bé	Từ ngày 06/04 đến hết ngày 10/04/2026	Thời tiết mùa hè	
		Từ ngày 13/4 đến hết ngày 17/04/2026	Giọt nước tí xí	
		Từ ngày 20/4 đến hết ngày 24/04/2026	Bé được làm gì trong mùa hè (Giỗ tổ Hùng Vương 10/03)	
		Từ ngày 27/4 đến hết ngày 01/05/2026	Quần áo trang phục mùa hè (Giải phóng MN 30/04, Quốc tế lao động 01/05)	
9	Bé lên mẫu giáo	Từ ngày 04/5 đến hết ngày 08/05/2026	Lớp học của bé	
		Từ ngày 11/5 đến hết ngày 15/05/2026	Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	
		Từ ngày 18/5 đến hết ngày 22/05/2026	Bé lên mẫu giáo (Ngày sinh nhật Bác 19/5)	
	Tổng	35 Tuần		

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh, bổ sung
Giáo dục phát triển thể chất		
<i>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>		
<i>Có một số nền nếp thói quen tốt trong sinh hoạt</i>		
MT1: Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. 	
MT2: Ngủ 1 giấc buổi trưa.	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện thói quen không nói chuyện trong khi đi ngủ. - Không trêu bạn khi nằm cạnh bạn. 	
MT3: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh. 	
<i>Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i>		
MT4: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). (CS5)	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh cởi quần áo khi bị bẩn bị ướt + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. 	
MT5: Chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện thói quen đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. 	

<i>Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i>		
MT6: Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết nguy cơ không an toàn và tránh vào nhà tắm, nơi chứa nước khi không có người lớn. Không đi theo người lạ. 	
MT7: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. 	
<i>* Giáo Dục phát triển vận động</i>		
<i>Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
MT8: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Tập hít vào và thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: cúi người về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vẹo người sang hai bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi chân. 	
<i>Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i>		
MT9: Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. 	

	+ Đứng co 1 chân	
MT10: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m (CS3); ném vào đích xa 1-1,2m. (CS4)	- Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích xa 1-1,2m	
MT11: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Tập bò trườn + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng thể dục + Bò, trườn qua vật cản. + Bò trong đường hẹp có mang vật trên lưng. + Bò trong đường ngoằn ngoèo có mang vật trên lưng.	
MT12: Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	+ Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích - Tập ném bóng xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m). - Tập đá bóng về phía trước (tối thiểu 1,5m). - Tập ném bóng bằng 1 tay (2 tay). - Đá bóng vào đích.	
<i>Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay</i>		
MT13: Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhật đồ vật	
MT14: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. Xếp hình.	

tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách 	
Giáo dục phát triển nhận thức		
<i>Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</i>		
MT15: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn(nhẵn) – xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả. (Ngọt-mặn-chua) 	
<i>Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</i>		
MT16: Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Quan sát và bắt chước hành động của người lớn - Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
MT17: Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên và một số đặc điểm của bản thân. - Nói được tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Nói được tên của cô giáo và các bạn trong lớp. 	
MT18: Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Nói được tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
MT19: Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen	- Nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	

thuộc. (CS6)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của các phương tiện GT gần gũi. - Nói được tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc. 	
MT20: Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu. (CS7)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân biệt màu xanh, đỏ, vàng để có thể làm theo yêu cầu. - Tìm đồ chơi có màu đỏ, vàng, xanh và nói tên của đồ chơi đó. - Cất hoặc lấy đồ chơi có màu đỏ, vàng, xanh. 	
MT21: Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. (CS8)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đồ chơi có kích thước to/nhỏ. - Chỉ và cất được đồ dùng, đồ chơi, to nhỏ 	
Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
<i>Nghe hiểu lời nói</i>		
MT22: Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. 	
MT23: Trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) (CS10)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và hiểu các câu hỏi: “Cái gì?” “Làm gì” “Để làm gì?” “ở đâu?” “Như thế nào 	
MT24: Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	<ul style="list-style-type: none"> Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Nói được tên truyện khi được hỏi. - Biết được một vài hành động của nhân vật. 	
<i>Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</i>		
MT25: Phát âm rõ tiếng.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm rõ ràng, mạch lạc. Không ngọng hay lắp 	
MT26: Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. 	

với sự giúp đỡ của cô giáo.(CS11)	- Đọc được các bài thơ trong chủ đề và các bài ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	
<i>Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</i>		
MT27: Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Đọc được các đoạn thơ ngắn, câu thơ ngắn có 5-7 tiếng. - Nói được một số từ đơn giản chỉ sự vật như “Đẹp, to, nhỏ...”	
MT28: Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Biết chào hỏi người lớn khi được nhắc nhở. - Trò chuyện với trẻ về gia đình, sự vật, sự việc.... - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	
MT29: Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi có nhu cầu, mong muốn.	
GDPT tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
<i>Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</i>		
MT30: Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Giới thiệu về bản thân với cô giáo và các bạn với sự giúp đỡ của cô.	
MT31: Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Biết thể hiện những điều mình thích và không thích qua nét mặt cử chỉ.	

	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.	
<i>Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</i>		
MT32: Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh bằng cử chỉ gần gũi, thân mật, lời nói rõ ràng và tự tin.	
MT33: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui buồn, tức giận.	
MT34: Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc khác nhau của những người xung quanh.	
MT35: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trò chuyện về những con vật mà trẻ thích. - Quan tâm đến vật nuôi. - Thích hát, nghe các bài hát, nghe kể chuyện về con vật quen thuộc gần gũi.	
<i>Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</i>		
MT36: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. (CS12)	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ "; "vâng ạ"	
MT37: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). (CS13)	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi hoạt động ở các góc. - Trẻ thể hiện các vai chơi ở góc thao tác vai + Nấu ăn + Bác sỹ + Bé em	

MT38: Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Chơi đoàn kết với bạn, chia sẻ đồ chơi cho bạn trong các hoạt động. - Chơi gần gũi cùng bạn mới. 	
MT39: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi đúng vào nơi quy định. 	
<i>Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</i>		
MT40: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ và vận động theo. 	
MT41: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh(cầm bút di màu, vẽ nguyệt ch ngoạc).(CS14)	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé vò, xếp hình. - Xem tranh. 	

II. Độ tuổi mẫu giáo 3 - 4 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/sự kiện

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Ghi chú
1	Trường mầm non	1	Từ ngày 08/9 đến hết ngày 12/9/2025	Trường mầm non Nam Thắng của bé (Ngày hội đến trường của bé (Lễ khai giảng))	

	của bé	1	Từ ngày 15/9 đến hết ngày 19/9/2025	Lớp học của bé	
		1	Từ ngày 22/9 đến hết ngày 26/9/2025	Cô giáo và các bạn	
		1	Từ ngày 29/9 đến hết ngày 03/10/2025	Lớp mình có nhiều đồ chơi	
2	Bản thân	1	Từ ngày 06/10 đến hết ngày 10/10/2025	Bé là ai (Tết trung thu của bé 15/8)	
		1	Từ ngày 13/10 đến hết ngày 17/10/2025	Cơ thể của bé	
		1	Từ ngày 20/10 đến hết ngày 24/10/2025	Dinh dưỡng và sức khỏe cho bé (Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10)	
		1	Từ ngày 27/10 đến hết ngày 31/10/2025	Trang phục, đồ dùng cá nhân của bé	
3	Gia đình	1	Từ ngày 03/11 đến hết ngày 7/11/2025	Ngôi nhà thân yêu	
		1	Từ ngày 10/11 đến hết ngày 14/11/2025	Gia đình bé	
		1	Từ ngày 17/11 đến hết ngày 21/11/2025	Các thành viên trong gia đình bé (Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)	
		1	Từ ngày 24/11 đến hết ngày 28/11/2025	Đồ dùng thân quen	
4	Nghề nghiệp	1	Từ ngày 01/12 đến hết ngày 5/12/2025	Một số nghề phổ biến quen thuộc	
		1	Từ ngày 8/12 đến hết ngày 12/12/2025	Nghề truyền thống	
		1	Từ ngày 15/12 đến hết ngày 19/12/2025	Bác nông dân	
		1	Từ ngày 22/12 đến hết ngày 26/12/2025	Nghề dịch vụ (Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; Lễ giáng sinh 25/12)	
5	Thế giới Động vật	1	Từ ngày 29/12 đến hết ngày 02/01/2026	Một số con vật bé thích	
		1	Từ ngày 05/01 đến hết ngày 09/01/2026	Một số con vật nuôi trong gia đình	
		1	Từ ngày 12/01 đến hết ngày 16/01/2026	Một số con vật sống dưới nước	

		1	Từ ngày 19/01 đến hết ngày 23/01/2026	Một số con vật sống trong rừng	
6	Thế giới thực vật	1	Từ ngày 26/01 đến hết ngày 30/01/2026	Vườn cây của bé	
		1	Từ ngày 02/02 đến hết ngày 06/02/2026	Tết và mùa xuân	
		1	Từ ngày 23/02 đến hết ngày 27/02/2026	Một số loại hoa	
		1	Từ ngày 02/03 đến hết ngày 06/03/2026	Một số loại rau (Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	
7	Giao thông	1	Từ ngày 09/03 đến hết ngày 13/03/2026	Một số luật lệ giao thông	
			Từ ngày 16/03 đến hết ngày 20/03/2026	Phương tiện giao thông phổ biến	
		1	Từ ngày 23/3 đến hết ngày 27/03/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
		1	Từ ngày 30/3 đến hết ngày 03/04/2026	Phương tiện giao thông đường hàng không	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ ngày 06/04 đến hết ngày 10/04/2026	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	
			Từ ngày 13/04 đến hết ngày 17/04/2026	Giọt nước tí xí	
		1	Từ ngày 20/04 đến hết ngày 24/04/2026	Một số hiện tượng tự nhiên kỳ thú (Giỗ tổ Hùng Vương 10/3)	
		1	Từ ngày 27/04 đến hết ngày 01/05/2026	Mùa hè tuyết vùi (Ngày giải phóng miền Nam 30/4; Quốc tế lao động 1/5)	
9	Quê hương Đất nước Bác Hồ	1	Từ ngày 4/05 đến hết ngày 08/05/2026	Quê hương tươi đẹp	
		1	Từ ngày 11/05 đến hết ngày 15/05/2026	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	
		1	Từ ngày 18/5 đến hết ngày 22/05/2026	Bác Hồ kính yêu (Ngày sinh nhật Bác 19/5)	
	Tổng		35 tuần		

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung, hoạt động	Ghi chú
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>1. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe:</i>		
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
<p>MT1: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh như (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) (CS8)</p> <p>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</p> <p>MT2: Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p> <p>MT3: Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</p>	<p>- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <p>+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p> <p>+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</p> <p>- Trẻ biết gọi đúng tên một số món ăn hàng ngày như; cơm, thức ăn mặn, rau canh...</p> <p>+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Trẻ biết ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau để chóng lớn và khoẻ mạnh.</p>	
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
<p>MT4: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (CS9)</p> <p>- Rửa tay, lau mặt, súc miệng.</p> <p>- Tháo tất, cởi quần, áo...</p> <p>MT5: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách (CS10)</p>	<p>- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <p>+ Biết sử dụng bát, thìa, cốc thành thạo</p> <p>+ Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</p> <p>+ Biết rửa tay bằng xà phòng bằng 6 bước</p>	

	+Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
<p>MT6: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi ...</p> <p>MT7: Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở (CS11)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn sức khỏe và an toàn + Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Nhận biết trang phục theo thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. + Trẻ biết gọi đúng tên một số món ăn. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
<p>MT8: Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, nước đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p> <p>MT9: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng...) khi được nhắc nhở.</p> <p>MT10: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống, khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm, nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Trẻ biết không cười đùa trong khi ăn, uống, khi ăn các loại quả có hạt... - Trẻ biết không tự lấy thuốc uống. - Trẻ không leo trèo lên bàn ghế, lan can. - Trẻ không nghịch những vật sắc nhọn. 	

- Không nghịch những vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Trẻ không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	
2. Phát triển vận động	2. Phát triển vận động	
Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp		
MT11: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT 12: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. MT13: Kiểm soát được vận động (CS4) - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc)	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích	

<p>không chệch ra ngoài. MT14: Phối hợp tay - mắt trong vận động : - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm). - Bật, nhảy</p> <p>MT15: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp (CS5) - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>dắc không chệch ra ngoài + Đi trong đường hẹp</p> <p>- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Ném trúng đích bằng 1 tay thẳng + Tự đập - bắt bóng được 2-3 lần liền (đường kính bóng 15-18cm). - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Chạy thay đổi tốc độ - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 25 - 30cm). - Bò trong đường hẹp</p>	
<p><i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay,</i></p>		

<i>ngón tay, phối hợp tay mắt</i>		
<p>MT16: Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau <p>MT17: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: (CS6) (CS7)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ - Tụ cài, cởi cúc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc. - Xếp chồng 7-10 hình khối khác nhau. - Cài, cởi cúc 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
<i>1. Khám phá xã hội</i>	<i>1. Khám phá xã hội</i>	
<i>Nhận biết bản thân, gia đình, trường mầm non và cộng đồng</i>		
<p>MT18: Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của trường, lớp, các bạn.. - Tên và công việc của cô giáo - Đồ dùng đồ chơi trong và ngoài lớp - Các hoạt động của trẻ ở trường. <p>MT19: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>MT20: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình</p> <p>MT21: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của bản thân mình - Trẻ biết tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình. 	

chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Nói được địa chỉ của gia đình mình ở xóm nào, thôn nào và xã	
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>		
MT22: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Biết được tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	
<i>Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>		
MT23: Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh. MT24: Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ biết được ngày khai giảng năm học mới, ngày tết trung thu của bé qua sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo. - Trẻ biết được cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử như đền thờ Trưng nguyên Nguyễn Hiền	
<i>2. Khám phá khoa học</i>	<i>2. Khám phá khoa học</i>	
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>		
MT25: Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Bộ phận cơ thể - Đồ vật(Đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông..) - Động vật và thực vật - Một số hiện tượng tự nhiên + Thời tiết, mùa + Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng... + Nước, không khí, ánh sáng, đất đá, cát sỏi...	- Biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Trẻ biết một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sin hoạt hàng	

<p>MT26: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>MT27: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p> <p>MT28: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng</p> <p>MT29: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật (CS12)</p>	<p>ngày và ích lợi của nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm của đất, đá cát sỏi - Biết một số mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi với sự gợi mở của cô giáo. - Trẻ tập thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD; Làm một số thí nghiệm đơn giản như: Trồng cây, làm thí nghiệm về nước...Thả các vật vào nước, pha màu... , - Quan sát các đối tượng và thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật 	
<p><i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i></p>		
<p>MT30: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi (CS17)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát một số đối tượng cây, con vật, phương tiện giao thông... - Quan sát các vật nổi trong nước - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo 	

	<p>mùa và thứ tự các mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với con người, vật, cây.. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của chúng với đời sống con người 	
<i>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>		
<p>MT31: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo (CS18)</p> <p>MT32: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc ,tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thể hiện một số điều quan sát qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. - Biết thể hiện một số điều quan sát qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. 	
<i>3.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>	<i>3.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>	
<i>Nhận biết số đếm, số lượng</i>		
<p>MT33: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm <p>MT34: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 (CS13)</p> <p>MT35: So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến chữ số, số lượng xung quanh. - Biết biểu thị bằng các ngón tay và bằng đồ vật tương ứng - 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng - Biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và 	

vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn (CS14) - Xếp tương ứng các đối tượng MT36: Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. MT37: Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn thành các nhóm khác nhau và đếm	
Sắp xếp theo quy tắc		
MT38: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Trẻ biết xếp xen kẽ theo mẫu và sáng tạo quy tắc	
So sánh 2 đối tượng		
MT39: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau (CS16) - So sánh 2 đối tượng về kích thước	- So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	
Nhận biết hình dạng		
MT40: Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật (CS15) - Tên gọi, đặc điểm và các so sánh các hình học - Sử dụng kỹ năng chắp ghép để tạo ra sản phẩm từ các hình học	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT41: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe, hiểu lời nói		

<p>MT42: Thực hiện được yêu cầu đơn giản - Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ</p> <p>MT43: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</p> <p>MT44: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (CS20)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản của cô và các bạn - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Nghe hiểu nội dung câu đơn câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi 	
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
<p>MT45: Nói rõ các tiếng (CS19) - Phát âm các tiếng của tiếng Việt</p> <p>MT46: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</p> <p>MT47: Sử dụng được câu đơn, câu ghép.</p> <p>MT48: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...</p> <p>MT49: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và nói các tiếng của tiếng Việt thành thạo - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp hàng ngày. “Vâng ạ” “Dạ”, “Thưa”...trong giao tiếp - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Biết sử dụng câu đơn, câu ghép trong giao tiếp. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?” - Kể lại sự việc đã diễn ra của bản thân cho người nghe hiểu - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đọc các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, 	

<p>MT50: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. MT51: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn (CS21)</p> <p>MT52: Sử dụng các từ “vâng ạ, dạ, thưa, ...” trong giao tiếp.</p> <p>MT53: Nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p>	<p>tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp hàng ngày. “Vâng ạ” “Dạ”, “Thưa”...trong giao tiếp - Dạy trẻ nói rõ ràng, không lí nhí 	
<i>Làm quen với việc đọc- viết</i>		
<p>MT54: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị người khác đọc sách cho nghe - Tự cầm sách, truyện đọc qua tranh, đọc vẹt... <p>MT55: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh (CS22)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo, giao thông...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. - Giữ gìn sách 	

MT56: Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc. - Tự cầm bút để vẽ, viết nguệch ngoạc, vẽ theo ý thích	- Trẻ thích cầm bút để vẽ, viết nguệch ngoạc, vẽ theo ý thích	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM & KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
Thể hiện ý thức về bản thân		
MT57: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân (CS23) - Tên tuổi, giới tính MT58: Nói được điều bé thích, không thích. - Những điều bé thích, không thích	- Trẻ biết giới thiệu tên, tuổi, giới tính của mình. - Biết những điều bé thích, không thích.	
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT59: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Trẻ tự tin tham gia vào các hoạt động MT60: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Trẻ tự tin tham gia vào các hoạt động của lớp - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT61: Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. MT62: Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh, qua biểu lộ cảm xúc khi giao tiếp - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức	

<p>MT63: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh</p> <p>MT64: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ</p>	<p>giận - Xem tranh ảnh về Bác Hồ</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, nơi gắn liền với Bác Hồ</p>	
2. Phát triển kỹ năng xã hội		
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
<p>MT65: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (CS26) - Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ</p> <p>MT66: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... (CS24)</p> <p>MT67: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ (CS25)</p> <p>MT68: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).</p> <p>- Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”..</p> <p>- Chơi hoà thuận với bạn. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói . - Chờ đến lượt</p>	
Quan tâm đến môi trường		
<p>MT69: Bỏ rác đúng nơi quy định (CS27)</p> <p>MT70: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.</p>	<p>- Biết bỏ rác đúng nơi quy định. - Tiết kiệm điện, nước.</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
<p>MT71: Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.</p> <p>MT72: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>MT73: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. 	
<i>Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</i>		
<p>MT74: Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc (CS28)</p> <p>MT75: Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) (CS29)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc quen thuộc. <p>MT76: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý (CS32)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động theo ý thích khi hát và nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm tạo hình theo yêu cầu của cô 	

<p>MT77: Vẽ các nét thẳng, (CS30) xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản</p> <p>MT78: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.</p> <p>MT79: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản (CS31)</p> <p>MT80: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.</p> <p>MT81: Nhận xét các sản phẩm tạo hình.</p>	<p>dưới sự gợi ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh đơn giản. - Sử dụng kỹ năng vẽ để tạo nên bức tranh đơn giản hài hòa cân đối - Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra các sản phẩm tạo hình - Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình và của bạn - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình 	
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i>		
<p>MT 82 : Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc</p> <p>MT83: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>MT 84: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn 	

III. Độ tuổi mẫu giáo 4 - 5 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/sự kiện

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Ghi chú
----	--------	---------	---------------------	--------------	---------

1	Trường mầm non của bé	1	Từ ngày 08/09 đến hết ngày 12/09/2025	Ngày hội đến trường của bé (Ngày hội đến trường của bé (Lễ khai giảng))	
		1	Từ ngày 15/09 đến hết ngày 19/09/2025	Lớp học của bé	
		1	Từ ngày 22/09 đến hết ngày 26/09/2025	Các thành viên trong lớp bé	
		1	Từ ngày 29/09 đến hết ngày 03/10/2025	Đồ chơi của bé	
2	Bản thân	1	Từ ngày 06/10 đến hết ngày 10/10/2025	Tôi là ai (Tết trung thu 15/8)	
		1	Từ ngày 13/10 đến hết ngày 17/10/2025	Cơ thể của tôi	
		1	Từ ngày 20/10 đến hết ngày 24/10/2025	Trang phục, đồ dùng cá nhân của tôi (Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10)	
		1	Từ ngày 27/10 đến hết ngày 31/10/2025	Tôi cần gì lớn lên và khoẻ	
3	Gia đình	1	Từ ngày 03/11 đến hết ngày 7/11/2025	Gia đình bé	
		1	Từ ngày 10/11 đến hết ngày 14/11/2025	Ngôi nhà của bé	
		1	Từ ngày 17/11 đến hết ngày 21/11/2025	Đồ dùng trong gia đình bé (Ngày nhà giáo Việt nam 20/11)	
		1	Từ ngày 24/11 đến hết ngày 28/11/2025	Gia đình bé có ai	
4	Nghề nghiệp	1	Từ ngày 01/12 đến hết ngày 05/12/2025	Bé làm quen với một số nghề quen thuộc	
		1	Từ ngày 08/12 đến hết ngày 12/12/2025	Bác nông dân	
		1	Từ ngày 15/12 đến hết ngày 19/12/2025	Làng bé có nghề gì?	
		1	Từ ngày 22/12 đến hết ngày 26/12/2025	Nghề dịch vụ (Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12) (Lễ giáng sinh 25/12)	

5	Thế giới Động vật	1	Từ ngày 29/12 đến hết ngày 02/01/2026	Một số con vật bé thích	
		1	Từ ngày 05/01 đến hết ngày 09/01/2026	Một số con vật nuôi trong gia đình	
		1	Từ ngày 12/01 đến hết ngày 16/01/2026	Một số con vật sống dưới nước	
		1	Từ ngày 19/01 đến hết ngày 23/01/2026	Một số con vật sống trong rừng	
6	Thế giới thực vật	1	Từ ngày 26/01 đến hết ngày 30/01/2026	Một số loại cây bé biết	
		1	Từ ngày 02/02 đến hết ngày 06/02/2026	Mùa xuân đã về	
		1	Từ ngày 23/02 đến hết ngày 27/02/2026	Một số loại rau	
		1	Từ ngày 02/3 đến hết ngày 06/03/2026	Một số loại hoa (Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	
7	Giao thông	1	Từ ngày 09/03 đến hết ngày 13/03/2026	Một số luật lệ giao thông	
			Từ ngày 16/03 đến hết ngày 20/03/2026	Một số phương tiện giao thông phổ biến	
		1	Từ ngày 23/03 đến hết ngày 27/03/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		1	Từ ngày 30/03 đến hết ngày 03/04/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ ngày 06/04 đến hết ngày 10/04/2026	Một số hiện tượng tự nhiên	
			Từ ngày 13/04 đến hết ngày 17/04/2026	Một số hiện tượng tự nhiên kỳ thú	
		1	Từ ngày 20/04 đến hết ngày 25/04/2026	Giọt nước tí xí (Giỗ tổ Hùng Vương 10/3)	
		1	Từ ngày 27/4 đến hết ngày 01/05/2026	Em yêu mùa hè (Ngày giải phóng miền Nam 30/4; Quốc tế lao động 01/5)	
9	Quê hương Đất	1	Từ ngày 04/05 đến hết ngày 08/05/2026	Quê hương của bé	
		1	Từ ngày 11/05 đến hết ngày 15/05/2026	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	

nước Bác Hồ	1	Từ ngày 18/05 đến hết ngày 22/05/2026	Bác Hồ kính yêu (Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5)	
Tổng		35 tuần		

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung, hoạt động	Ghi chú
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>1. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe:</i>		
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
<p>MT1: Biết được một số thực phẩm cùng nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thịt, cá ... có nhiều chất đạm. - Rau quả chín có nhiều vitamin . <p>MT2: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho...; gạo nấu cơm.....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể tên một số món ăn mà trẻ biết 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại thực phẩm - Trò chuyện, quan sát về một số thực phẩm, các món ăn chế biến từ thực phẩm - Thịt, cá.... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin. - Trứng, sữa có nhiều canxi, ma giê, protein... - Gạo, ngô, khoai có nhiều chất bột. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Trẻ biết gọi đúng tên một số món ăn hàng ngày như; cơm, thức ăn mặn, rau canh... - Nhận biết tên gọi và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	

<p>MT3: Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau để chóng lớn và khỏe mạnh. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy, râu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật(ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Trẻ biết ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau để chóng lớn và khỏe mạnh. 	
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
<p>MT4: Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn (CS11)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm thìa, bát xúc ăn gọn gàng. - Ăn không rơi vãi, đổ thức ăn <p>MT5: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở (CS13)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt , đánh răng + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt + Biết sử dụng bát, thìa, cốc thành thạo + Tập đánh răng, lau mặt. + Biết rửa tay bằng xà phòng bằng 6 bước + Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Trẻ tự mặc quần áo, tự cài cúc áo, đi giày... - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt đánh răng - Đi về sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định - Trục nhật, kê bàn ghế - Tập thay quần áo khi bị bẩn ướt 	
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ		

gìn sức khoẻ		
<p>MT6: Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.. - Không uống nước lã <p>MT7: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở (CS11)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và các loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép. giày đi học. - Vệ sinh thân thể. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định 	
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>		
<p>MT8: Trẻ nhận ra bàn là, nước đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần . Biết các vật sắc nhọn nên không nghịch. (CS15)</p> <p>MT9: Nhận ra những nơi như: ao, bể chứa nước, mương</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.: dao, kéo, kim, bàn là bếp ga.... không lên đến gần - Không sờ tay vào bếp đang đun, bàn là đang cắm điện, ổ điện, quạt đang quay, phích nước..... - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Những nơi không an toàn: ao hồ, mương, máng, sông ngòi.... trẻ không lên đến gần khi 	

<p>nước... là nơi nguy hiểm không được chơi gần</p> <p>MT10: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở (CS12)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống, khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi ; không ăn lá, quả lạ.. không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo <p>MT11: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ (CS14)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc . Nói được tên ,địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết. 	<p>không có người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sờ tay vào bếp đang đun, bàn là đang cắm điện, ổ điện, quạt đang quay, phích nước..... - Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp:cháy, có người bị ngã nước, chảy máu. - Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói tên địa chỉ, gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Người lạ cho kẹo, rủ đi chơi, bế ẵm...Ra khỏi nhà, trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo 	
<p>2. Phát triển vận động</p>	<p>2. Phát triển vận động</p>	
<p>Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>MT12: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: 	

<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp - Tay - Chân - Lưng, lườn 	<ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, võ 2 tay vaog nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 	
<i>Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</i>		
<p>MT 13: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. <p>MT14: Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc) <p>MT15: Phối hợp tay - mắt trong vận động :</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục, hoặc vạch kẻ trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bằng gót chân - Nhảy lò cò 3m - Bật liên tiếp qua các vạch kẻ - Đi khuyu gối - Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy 15m trong khoảng 9-10 giây 	

<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m) - Tự đập - bắt bóng được 4-5 lần liên - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m) <p>MT16: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy chậm 70-80m - Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên tiếp không rơi bóng (khoảng cách 3m). - Tung bóng lên cao và bắt. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 liên tiếp - Ném xa bằng 1 tay - Chuyên bắt bóng qua đầu - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 9-10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài - Trườn theo hướng thẳng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Trèo qua ghế dài 1,5mx30cm 	
<p><i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i></p>		
<p>MT17: Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi - Gập giấy... - Xếp chồng các hình khối khác nhau 	

<p>MT18: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:(CS7) , (CS8)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng - Tô vẽ hình - Cài, cởi cúc. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
<i>1.Khám phá xã hội</i>	<i>1.Khám phá xã hội</i>	
<i>Nhận biết bản thân, gia đình, trường mầm non và cộng đồng</i>		
<p>MT19 : Nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân mình <p>MT20: Nói được tên và địa chỉ của trường/lớp, khi được hỏi, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của trường, lớp,.. - Tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường <p>MT21: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện <p>MT22: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>MT23: Trẻ nói được họ , tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân mình - Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn của trẻ ở trường - Trẻ biết họ, tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của từng thành viên 	

MT24: Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ gia đình. - Nói được địa chỉ của gia đình mình ở xóm nào, thôn nào và xã 	
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>		
MT25: Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. 	
<i>Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>		
MT26: Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được ngày khai giảng năm học mới, ngày tết trung thu của bé qua sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo. 	
MT27 : Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương .	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử như đền thờ Trưng nguyên Nguyễn Hiền 	
<i>2. Khám phá khoa học</i>		
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>		
<p>MT28: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị út?... (CS16)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận cơ thể - Đồ vật (Đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông..) - Động vật và thực vật - Một số hiện tượng tự nhiên + Thời tiết, mùa + Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng... + Nước, không khí, ánh sáng, đất đá, cát sỏi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Trẻ biết một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm 	

<p>MT29: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>MT30: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p> <p>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh</p> <p>MT31: Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn nước trong sin hoạt hàng ngày và ích lợi của nước - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm của đất, đá cát sỏi - Biết một số mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi với sự gợi mở của cô giáo. - Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng <p>- Trẻ làm các thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD; Làm một số thí nghiệm đơn giản như: Trồng cây, làm thí nghiệm về nước...Thả các vật vào nước, pha màu... ,</p> <p>- Quan sát các đối tượng và thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò</p>	
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>MT 32: Biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu (CS18)</p> <p>- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật</p>	<p>chuyện về đối tượng</p> <p>- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật</p> <p>- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu</p>	
<p><i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i></p>		
<p>MT33: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.</p> <p>- Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p> <p>MT34: Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn</p>	<p>- Dạy trẻ làm thử nghiệm: Cho đường/muối vào nước nên nước ngọt/mặn hơn</p> <p>- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.</p> <p>- Dạy trẻ biết được ván dốc hơn thì ô tô chạy nhanh hơn</p> <p>- Dạy trẻ làm thế nào để cùng một lúc mang được các đồ cá nhân của trẻ. Ví dụ Ba lô đeo vai, dép đi chân, mũ đội lên đầu</p>	
<p><i>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i></p>		
<p>MT35: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát</p>	<p>- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> <p>- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo và các sử dụng của đồ dùng đồ chơi</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi</p>	

<p>MT36: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông, con vật, cây, hoa, quả và phân loại theo 1-2 dấu hiệu - Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình 	
<p>3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	<p>3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	
<p>Nhận biết số đếm, số lượng</p>		
<p>MT37: Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh đến chữ số hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...</p> <p>M38: Biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</p> <p>MT39: Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p> <p>MT40: Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn</p> <p>MT41: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>MT42: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng,</p> <p>MT43 : So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đếm các nhóm đối tượng và tò mò tìm hiểu xem số lượng mỗi nhóm là mấy... - Nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 5. Nhận biết số từ 1-5 - Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. - Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ.... - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe....) - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.. 	

Sắp xếp theo quy tắc		
MT44: Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. - Trẻ biết xếp xen kẽ theo mẫu và sáng tạo quy tắc	
So sánh 2 đối tượng		
M45: Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh - So sánh độ dài 2 đối tượng bằng các cách khác nhau - So sánh dung tích 2 đối tượng	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	
Nhận biết hình dạng		
MT46: Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Tên gọi, đặc điểm và các so sánh các hình học MT47: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Sử dụng kỹ năng lắp ghép để tạo ra sản phẩm từ các hình học	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. + Lắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo nhu cầu. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT48: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với bản thân (CS22) MT49: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so sánh với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phải - trái) - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe, hiểu lời nói		
MT50: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, - ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản của cô và các bạn	

<p>màu vàng"... (CS23)</p> <p>- Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ</p> <p>MT51: Hiểu nghĩa từ khái quát : quần áo, đồ chơi, hoa, quả, đồ gỗ...</p> <p>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông... qua các chủ đề.</p> <p>MT52: Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</p>	<p>- Hiểu và làm theo 2,3 yêu cầu.</p> <p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc</p> <p>- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông... qua các chủ đề.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung câu đơn câu mở rộng, câu phức</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p>	
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
<p>MT53: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.</p> <p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó</p> <p>MT54: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...(CS28)</p> <p>- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp</p> <p>MT55: Sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..</p> <p>- Bày tỏ nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép</p> <p>MT56: Biết kể lại sự việc theo trình tự. (CS25)</p> <p>MT57: Đọc thuộc bài thơ ca dao, đồng dao...</p> <p>MT58: Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.</p> <p>MT59: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc</p>	<p>- Phát âm và nói các tiếng của tiếng Việt thành thạo</p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?"</p> <p>- Biết sử dụng câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.</p> <p>- Kể lại sự việc đã diễn ra của bản thân cho người nghe hiểu</p> <p>- Đọc các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p>	

<p>nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp <p>MT60: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện <p>MT61: Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp (CS28)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp hàng ngày. “Vâng ạ” “Dạ”, “Thưa”...trong giao tiếp - Dạy trẻ nói rõ ràng, không lí nhí 	
<i>Làm quen với việc đọc- viết</i>		
<p>MT62: Cầm sách đúng chiều và mở từng trang để xem tranh ảnh. Đọc sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). (CS26)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách <p>MT63: Chọn sách để xem</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn bảo vệ sách <p>MT 64 : Mô tả hành động của các nhân vật trong truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đọc truyện qua tranh vẽ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Trẻ lựa chọn sách để xem - Giữ gìn sách - Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. 	

MT65: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cắm lửa, nơi nguy hiểm,.. (CS27)	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo, giao thông...)	
MT66: Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM & KỸ NĂNG XÃ HỘI		
<i>1. Phát triển tình cảm</i>		
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
MT67: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ (CS23) - Tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Trẻ biết được tên, tuổi, giới tính của mình, bố mẹ	
MT68: Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được - Sở thích, khả năng của bản thân	- Biết những điều bé thích, không thích.	
<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>		
MT69: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích MT70: Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Dạy trẻ biết trực nhật, lau chùi đồ chơi, chăm sóc cây - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</i>		
MT71: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh MT72: Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh, qua biểu lộ cảm xúc khi giao tiếp - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ,	

<p>nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động <p>MT73: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.</p> <p>MT74: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ <p>MT75: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước</p>	<p>giọng nói; trò chơi; hát, vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận - Xem tranh ảnh về Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ qua tranh ảnh, băng đĩa... - Kính yêu Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, trò chuyện về Bác Hồ - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, nơi gắn liền với Bác Hồ - Trò chuyện tìm hiểu về đền thờ Trưng Nguyên Nguyễn Hiền, Đình Cả thôn Đại An 	
2. Phát triển kỹ năng xã hội		
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
<p>MT76: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. (CS32)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ <p>MT77: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép</p> <p>MT78: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p> <p>MT79: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chơi hoà thuận với bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ biết cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định, không nói chuyện khi ăn, khi ngủ, đi về bên phải đường - Không vứt rác bừa bãi - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói . - Chờ đến lượt 	

<p>MT80: Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi hoà thuận với bạn. - Dạy trẻ biết trao đổi thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (trực nhật, chơi..) 	
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
<p>MT81: Bỏ rác đúng nơi quy định</p> <p>MT82: Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc</p> <p>MT83: Trẻ không bẻ cành, bứt hoa</p> <p>MT84: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bỏ rác đúng nơi quy định. - Phân biệt được các loại rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Dạy trẻ không dẫm lên cây, bẻ cành hái hoa - Dạy trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Có ý thức tiết kiệm điện, nước 	
<i>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</i>		
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
<p>MT85: Vui sướng vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng</p> <p>MT86: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p> <p>MT87: Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng....) của các tác phẩm tạo hình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vui sướng vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật 	

	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
<p>MT88: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.... (CS33)</p> <p>MT89: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).</p> <p>- Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p> <p>MT90: Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm (CS35)</p> <p>MT91: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục.</p> <p>MT92: Trẻ biết xé cắt theo đường thẳng, đường cong... dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.</p> <p>- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.</p> <p>MT93: Trẻ biết làm lổm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết</p> <p>MT94: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</p> <p>MT95 Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc đường nét,</p>	<p>- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát</p> <p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm tạo hình theo yêu cầu của cô dưới sự gợi ý.</p> <p>- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh đơn giản.</p> <p>- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra các sản phẩm có kích thước, hình dáng đường nét</p> <p>- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt để tạo ra các sản phẩm có kích thước, hình dáng đường nét</p> <p>- Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra các sản phẩm tạo hình</p> <p>- Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có kích thước, hình dáng đường nét.</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc đường</p>	

hình dáng	nét - Nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình và của bạn - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i>		
MT96: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc MT97: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. MT98: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. (CS36) MT99: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	

IV. Độ tuổi 5 - 6 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/sự kiện

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	1	Từ ngày 08/9 đến hết ngày 12/9/2025	Trường mầm non Nam Thắng của bé (Ngày hội đến trường của bé (Lễ khai giảng))	
		1	Từ ngày 15/9 đến hết ngày 19/9/2025	Lớp học của bé	
		1	Từ ngày 22/9 đến hết ngày 26/9/2025	Cô giáo và các bạn	
		1	Từ ngày 29/9 đến hết ngày 03/10/2025	Đồ dùng đồ chơi của bé	

2	Bản thân	1	Từ ngày 06/10 đến hết ngày 10/10/2025	Bé là ai (Tết trung thu của bé 15/8)	
		1	Từ ngày 13/10 đến hết ngày 17/10/2025	Cơ thể của bé	
		1	Từ ngày 20/10 đến hết ngày 24/10/2025	Dinh dưỡng và sức khỏe cho bé (Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10)	
		1	Từ ngày 27/10 đến hết ngày 31/10/2025	Trang phục, đồ dùng cá nhân của bé	
3	Gia đình	1	Từ ngày 03/11 đến hết ngày 7/11/2025	Gia đình bé	
		1	Từ ngày 10/11 đến hết ngày 14/11/2025	Các thành viên trong gia đình bé	
		1	Từ ngày 17/11 đến hết ngày 21/11/2025	Ngôi nhà thân yêu (Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)	
		1	Từ ngày 24/11 đến hết ngày 28/11/2025	Đồ dùng thân quen	
4	Nghề nghiệp	1	Từ ngày 01/12 đến ngày 5/12/2025	Một số nghề phổ biến quen thuộc	
		1	Từ ngày 8/12 đến hết ngày 12/12/2025	Bác nông dân	
		1	Từ ngày 15/12 đến hết ngày 19/12/2025	Nghề dịch vụ	
		1	Từ ngày 22/12 đến hết ngày 26/12/2025	Chú bộ đội ((Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 (Lễ giáng sinh 25/12))	
5	Thế giới Động vật	1	Từ ngày 29/12 đến hết ngày 02/01/2026	Một số con vật nuôi trong gia đình	
		1	Từ ngày 05/01 đến hết ngày 09/01/2026	Một số con vật sống dưới nước	
		1	Từ ngày 12/01 đến hết ngày 16/01/2026	Một số con vật sống trong rừng	
		1	Từ ngày 19/01 đến hết ngày 23/01/2026	Côn trùng - chim	
6	Thế giới	1	Từ ngày 26/01 đến hết ngày 30/01/2026	Một số loại cây xanh	

	thực vật	1	Từ ngày 2/02 đến hết ngày 06/02/2026	Tết và mùa xuân	
		1	Từ ngày 23/02 đến hết ngày 27/02/2026	Hoa -Quả quê em	
		1	Từ ngày 02/3 đến hết ngày 06/03/2026	Một số loại rau (Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	
7	Giao thông	1	Từ ngày 09/03 đến hết ngày 13/03/2026	Một số luật lệ giao thông	
		1	Từ ngày 16/03 đến hết ngày 20/03/2026	Phương tiện giao thông phổ biến	
		1	Từ ngày 23/03 đến hết ngày 27/03/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ ngày 30/03 đến hết ngày 03/04/2026	Giọt nước tí xí	
		1	Từ ngày 6/04 đến hết ngày 10/04/2026	Một số hiện tượng tự nhiên	
		1	Từ ngày 13/04 đến hết ngày 17/04/2026	Mùa hè tuyết vùi	
9	Quê hương Đất nước Bác Hồ	1	Từ ngày 20/04 đến hết ngày 24/04/2026	Quê hương tươi đẹp (Giỗ tổ Hùng Vương 10/3)	
		1	Từ ngày 27/04 đến hết ngày 01/05/2026	Đất nước Việt Nam diệu kỳ (Ngày giải phóng miền Nam 30/4; uốc tế lao động 01/5)	
		1	Từ ngày 04/05 đến hết ngày 08/05/2026	Bác Hồ kính yêu	
10	Trường tiểu học	1	Từ ngày 11/05 đến hết ngày 15/05/2026	Bé chuẩn bị vào lớp 1	
		1	Từ ngày 18/05 đến hết ngày 22/05/2026	Trường tiểu học (Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5)	
Tổng			35 Tuần		

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung, hoạt động	Ghi chú
----------	---------------------	---------

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>1. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe:</i>	<i>1. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe:</i>	
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
<p>MT1: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm(CS 19)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... <p>MT2: Biết; ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe (CS 20)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) <p>MT3: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán , kho; gạo nấu cơm (CS19)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, - Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Rau và các loại quả chín có nhiều Vitamin và khoáng chất - Trẻ nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật - Biết ăn nhiều loại thức ăn - Ăn chín uống sôi để khỏe mạnh - Uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt không có lợi cho sức khỏe <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với thao tác đơn giản trong chế biến món ăn, thức uống - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất 	
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
<p>MT4: Thực hiện được một số việc đơn giản</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt , đánh răng + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt + Tự đánh răng, lau mặt. + Biết rửa tay bằng xà phòng bằng 6 bước 	

<p>định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định (Đi xong giặt nước sạch...) <p>MT5: Sử dụng đồ dùng ăn uống cho thành thạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm thìa, bát xúc ăn gọn gàng. - Ăn không rơi vãi, đổ thức ăn 	<ul style="list-style-type: none"> +Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Trẻ tự mặc quần áo, tự cài cúc áo, đi giày... - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt đánh răng - Đi về sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định - Trục nhật, kê bàn ghế - Tập thay quần áo khi bị bẩn ướt - Biết sử dụng bát, thìa, cốc thành thạo 	
<p>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</p>		
<p>MT6: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống (CS22)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường <p>MT7: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, trước khi ngủ, sáng ngủ dậy - Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định không nhỏ bậy a lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và các loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã ăn quà vặt ngoài đường <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép. giày đi học. - Vệ sinh thân thể. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định không nhỏ bậy a lớp - Che miệng khi hắt hơi 	

<p>- Che miệng khi hắt hơi</p>		
<p>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p>		
<p>MT8: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn</p> <p>- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn</p> <p>- Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>MT9: Biết những nơi như ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm,...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần</p> <p>- Biết những nơi như ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm,...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần</p> <p>MT10: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ (CS21,CS22)</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp:cháy, có người bị ngã nước, chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói tên địa chỉ, gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết..</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Người lạ cho kẹo, rủ đi chơi, bế ẵm...Ra khỏi nhà, trường, lớp</p>	<p>- Trẻ biết được những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.: dao, kéo, kim, bàn là bếp ga.... không lên đến gần</p> <p>- Không sờ tay vào bếp đang đun, bàn là đang cắm điện, ổ điện, quạt đang quay, phích nước.....</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>- Những nơi không an toàn: ao hồ, ruộng, máng, sông ngòi.... trẻ không lên đến gần khi không có người lớn</p> <p>- Không sờ tay vào bếp đang đun, bàn là đang cắm điện, ổ điện, quạt đang quay, phích nước.....</p> <p>- Biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc . - Nói được tên ,địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết.</p>	

<p>khi không được phép của người lớn, cô giáo</p> <p>MT11: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh (CS20)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống, khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi ; không ăn lá, quả lạ.. không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. <p>MT 12: Thực hiện một số quy định ở trường nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc trẻ nhớ rõ nội quy của lớp: - Nhắc trẻ không leo rào cây, tường rào, ban công... - Đi bộ trên vỉa hè 	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc trẻ nhớ rõ nội quy của lớp: + Đi học đúng giờ + Chú ý nghe cô dạy + Muốn phát biểu phải giơ tay + Bỏ rác đúng nơi quy định - Nhắc trẻ không leo rào cây, tường rào, ban công... - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Dạy trẻ sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi 	
<p>2. Phát triển vận động</p>	<p>2. Phát triển vận động</p>	
<p>Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>MT13: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc bài hát đúng nhịp (CS14)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp - Tay - Chân 	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, lên cao. 	

<p>- Lung, lườn</p>	<p>- Lung, bụng, lườn: + ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải sang trái + Nghiêng người sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang đưa về phía sau + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.</p>	
<p><i>Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i></p>		
<p>MT 14 .Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0.30cm) một đầu kê cao 30cm - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thăng bằng trên ghế thể dục - Đi lên xuống trên ván dốc - Đi trên dây - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối - Đi nối tiếp bàn chân tiến, lùi - Đi trên ván dốc kết hợp mang vật - Đi kẹp bóng về đích - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây - Nhảy lò cò 3m - Bật liên tiếp qua các vạch kẻ - Đi khuyu gối - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô 	

<p>MT15: Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi đổi hướng vận động đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)</p> <p>MT16: Phối hợp tay - mắt trong vận động : - Bắt và ném bóng với người đối diện (cô/bạn): (khoảng cách 4 m) - Đi đập - bắt bóng nảy 4-5 lần liên - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)</p> <p>MT17: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 18 m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây - Ném trúng đích đứng(xa 1,5 m xa 2m). - Bò trong qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo yêu cầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy 18m trong khoảng 9-10 giây - Chạy chậm 100-120m - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung , đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 9-10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m xa 2m). - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò trong qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo yêu cầu - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m- - Trườn kết hợp trèo qua ghé dài 1,5mx 30cm 	
<p><i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i></p>		
<p>MT18: Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi - Bẻ, nắn... - Xếp chồng các hình khối khác nhau 	

<p>MT19: Phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khoá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét - Cài, cởi cúc. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
<i>1. Khám phá xã hội</i>	<i>1. Khám phá xã hội</i>	
<i>Nhận biết bản thân, gia đình, trường mầm non và cộng đồng</i>		
<p>MT20: Nói đúng họ tên, ngày sinh nhật, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện (CS27)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân mình <p>MT21: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình (CS27)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình - Các thành viên trong gia đình, nghề của bố mẹ; nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình <p>MT22: Nói địa chỉ gia đình</p> <p>Mình (thôn xóm) số điện thoại... khi được hỏi, trò chuyện (CS27)</p> <p>MT23: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm, sở thích của bản thân - Trẻ biết họ, tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của từng thành viên - Các thành viên trong gia đình, nghề của bố mẹ; nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình - Xem tranh ảnh về gia đình - Địa chỉ gia đình. - Nói được địa chỉ của gia đình mình ở xóm nào, thôn nào và xã, số điện thoại... - Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Trò chuyện về tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm 	

<p>bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>MT24: Nói tên, công việc của cô giáo và các cô bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của trường, lớp. - Tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường <p>MT25: Nói tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>của trường lớp mầm non</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về tên, công việc của cô giáo và các cô bác nhân viên và công việc của các cô bác trong trường - Nói tên và đặc điểm của các bạn trong lớp 	
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>		
<p>MT26: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” (CS98)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương (nghề trồng cây cảnh, trồng cỏ nhung nhật) 	
<i>Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>		
<p>MT27: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả làng em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi</p> <p>MT28: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh di tích lịch sử của quê hương, đất nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của lễ hội: (Lễ hội Trạng Nguyên Nguyễn Hiền diễn ra vào 14 -16/8 hàng năm) - Di tích lịch sử Đình Cả thôn Đại An - Biết đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước: Đền thờ Trạng Nguyên Nguyễn Hiền; Đình Cả thôn Đại An, Nhà văn hoá thôn... 	
<i>2. Khám phá khoa học</i>		
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>		
<p>MT29: Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi: “Tại sao có mưa?”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát phán đoán các sự vật hiện tượng xảy ra xung quanh trẻ 	

<p>(CS112)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận cơ thể - Đồ vật (Đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông..) - Động vật và thực vật - Một số hiện tượng tự nhiên + Thời tiết, mùa + Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng... + Nước, không khí, ánh sáng, đất đá, cát sỏi... <p>MT30: Phối hợp các giác quan để quan sát , thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra - Biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Trẻ biết một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm của đất, đá cát sỏi - Biết một số mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi với sự gọi mở của cô giáo. - Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, ích lợi, tác hại của con vật, cây, hoa, quả và so sánh chúng 	
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>nhau để xem xét lá, hoa, quả,... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng (CS 92)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, ích lợi, tác hại của con vật, cây, hoa, quả và so sánh chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật <p>MT31: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển. (CS93)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh <p>MT32: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận (CS 118,120)</p> <p>MT33: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau (CS 96)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản con vật, cây cối, môi trường... <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ làm các thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD; - Làm một số thí nghiệm đơn giản như: Trồng cây, làm thí nghiệm về nước...Thả các vật vào nước, pha màu... - Đặc điểm , ích lợi , tác hại của con vật, cây, hoa, quả và so sánh chúng - Quá trình phát triển của cây, con vật... - Đặc điểm tính chất của nước - Cho trẻ xem hình ảnh trực tiếp, gián tiếp qua sách, tranh ảnh, băng hình và trò chuyện và thảo luận để thu thập thông tin về đối tượng - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - So sánh sự khác và giống nhau của đồ dùng đồ chơi - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu 	
<p>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p>		
<p>MT34: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật , hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát một số đối tượng cây, con vật, phương tiện giao thông... 	

<p>nước nóng bốc hơi” - Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p> <p>MT35: Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau (CS118) . Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát các vật nổi trong nước - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với con người, vật, cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của chúng với đời sống con người - Dạy trẻ làm thử nghiệm: Cho đường/muối vào nước nên nước ngọt/mặn hơn - Mang một số các đồ chơi đi chỗ khác bằng các cách khác nhau: ví dụ (các đồ chơi đó gồm có dép, mũ, ba lô...): ôm tất cả các đồ chơi đó đi; mũ đội lên đầu, dép đi vào chân, ba lô đeo sau lưng để chuyển đồ chơi... - Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn 	
<p>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p>		
<p>MT36: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. (CS 96) - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dung đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo và các sử dụng của đồ dung đồ chơi 	

<p>cây, hoa, quả...</p> <p>MT37: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình (CS 102)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên... 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông, con vật, cây, hoa, quả và phân loại theo 1-2 dấu hiệu - Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình - Biết nói về đối tượng và tạo ra đối tượng đó qua các sản phẩm tạo hình - Hát các bài hát thể hiện cảm xúc qua bài hát... - Làm dụng cụ âm nhạc, mũ sinh nhật tặng bạn 	
<p>3.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	<p>3.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	
<p>Nhận biết số đếm, số lượng</p>		
<p>MT38: Quan tâm đến các con số như thích nói số lượng và : đếm, hỏi: “Bao nhiêu”; “Đây là mấy?”..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đếm các nhóm đối tượng và tò mò tìm hiểu xem số lượng mỗi nhóm là mấy... <p>MT39: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng,</p> <p>MT40: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất</p> <p>MT41: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm</p> <p>MT42: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đếm các nhóm đối tượng và tò mò tìm hiểu xem số lượng mỗi nhóm là mấy... - Nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 10. Nhận biết số từ 1-10 - Trẻ biết sử dụng các số từ 1-10 để chỉ số lượng, số thứ tự. - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 - Gộp tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 	

<p>thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau (CS 105)</p> <p>MT43: Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.(CS 104)</p> <p>MT44: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (CS111)</p>	<p>nhóm bằng các cách khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa các con số trong cuộc sống hàng ngày (Biển số xe, số nhà...) 	
Sắp xếp theo quy tắc		
<p>MT45: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu (CS116)</p> <p>MT46: Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại (CS116)</p> <p>MT47: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp (CS118)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự, theo yêu cầu - So sánh, phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp 	
So sánh 2 đối tượng		
<p>MT48: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả (CS106)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo 	
Nhận biết hình dạng		
<p>MT49: Gọi tên và chỉ ra đặc điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật (CS107)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm và các so sánh các khối hình học - Sử dụng kỹ năng lắp ghép để tạo ra sản phẩm từ các khối 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình trong thực tế + Lắp ghép các khối để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo nhu cầu. 	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
<p>MT50: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn (CS108)</p> <p>MT51: Gọi đúng tên, các thứ trong tuần, các mùa trong</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai 	

năm (CS109,CS110)	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các thứ trong tuần các mùa trong năm - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. 	
<i>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</i>		
<i>Nghe, hiểu lời nói</i>		
<p>MT52: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, - ví dụ: “các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái A đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái” (CS 62) - ví dụ: “Con hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”... - Ví dụ: Con hãy lấy quả bóng ném vào rổ</p> <p>MT53: Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) (CS 63) - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông... qua các chủ đề.</p> <p>MT54: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại (CS74)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu của cô và các bạn - ví dụ: “ các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái A đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”(CS 62) - ví dụ: “Con hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.... - Ví dụ: Con hãy lấy quả bóng ném vào rổ - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông... qua các chủ đề. - Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại (CS74) 	
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
<p>MT55: Kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được (CS120)</p> <p>MT 56: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....(CS69)</p> <p>MT57: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động , tính cách, trạng thái...của nhân vật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể sự việc theo trình tự - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh - Bày tỏ tình cảm , nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau - Dựa vào trạng thái nhân vật để miêu tả lại sự việc 	

<p>MT 58: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới từ đầu sách đến cuối sách(CS83)</p> <p>MT59: Sử dụng các từ chỉ sự vật , hoạt động , đặc điểm.... phù hợp với ngữ cảnh (CS69)</p> <p>MT60: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện (CS120)</p> <p>MT61: Đóng được vai của nhân vật trong truyện</p> <p>MT62: Sử dụng các từ : “cảm ơn” “xin lỗi” “ Xin phép” “ thưa” “ dạ” “ vâng” ...phù hợp với tình huống (CS77)</p> <p>MT63: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh (CS73)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Nói đủ nghe, không nói to, vui đùa khi có người đang ốm, mệt - Giao tiếp, đàm thoại với người khác bằng giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân mật - Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng - Kể truyện có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện - Đóng được vai nhân vật trong truyện - Trẻ biết sử dụng các từ : “cảm ơn” “xin lỗi” “ Xin phép” “thưa” “dạ” “vâng” ...phù hợp với tình huống Nói đủ nghe, không nói to, vui đùa khi có người đang ốm, mệt - Giao tiếp, đàm thoại với người khác bằng giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân mật - Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng 	
<i>Làm quen với việc đọc- viết</i>		
<p>MT64: Chọn sách để “đọc” và xem</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn sách và đọc - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách 	

<p>MT65: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân (CS85)</p> <p>MT 66: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới từ đầu sách đến cuối sách (CS83) - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt</p> <p>MT67: Nhận ra ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...(CS87) - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo, giao thông...)</p> <p>MT68: Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt (CS91)</p> <p>MT69: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, tên của mình (CS 88) - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm sách cùng cô - Dùng tranh minh họa truyện để kể ttheo khả năng bản thân - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông đường cho người đi bộ ... - Nhận dạng các chữ cái - Nhận dạng chữ cái và phát âm đúng các chữ cái đó - Phân biệt được sự khác nhau giữa các chữ cái - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình - Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng 	
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM & KĨ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
Thể hiện ý thức về bản thân		
<p>MT70: Nói được họ tên tuổi, giới tính, của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại (CS58)</p> <p>MT71: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc bé không làm được (CS34)</p> <p>MT72: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính và khả năng)</p> <p>MT73: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình</p> <p>MT74: Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức (CS31)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói họ tên tuổi, giới tính, của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại - Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc bé không làm được - Sở thích khả năng của bản thân - Điểm giống và khác nhau của mình với của bạn - Vị trí của mình trong gia đình - Dạy trẻ biết iết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức 	
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
<p>MT75: Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) (CS31)</p> <p>MT76: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (CS31)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc được giao - Chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Dạy trẻ biết trực nhật, lau chùi đồ chơi, chăm sóc cây - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). 	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
<p>MT77: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ (CS36)</p> <p>MT78: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ - Nhận biết trạng thái cảm xúc qua nét mặt cử chỉ, hành động và cách bày tỏ phù hợp 	

<p>qua nét mặt , cử chỉ giọng nói của người khác (CS35)</p> <p>MT79: Biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè (CS37)</p> <p>MT80: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác (chỗ ở, nơi làm việc..)</p> <p>MT81: Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua các bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ</p> <p>MT82: Biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn..) của quê hương đất nước</p> <p>- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác (chỗ ở, nơi làm việc..) - Kính yêu Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, trò chuyện về Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp của quê hương, đất nước - Trò chuyện tìm hiểu về đền thờ Trưng Nguyên Nguyễn Hiền, Đình Cả thôn Đại An 	
2. Phát triển kỹ năng xã hội		
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
<p>MT83: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ anh chị, muốn đi chơi phải xin phép</p> <p>MT84: Biết cảm ơn xin lỗi chào hỏi lễ phép (CS77)</p> <p>MT85: Chú ý nghe cô và các bạn nói, không ngắt lời người khác (CS48)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc được giao - Thực hiện dung nội quy - Dạy trẻ biết cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định, không nói chuyện khi ăn, khi ngủ, đi về bên phải đường - Không vứt rác bừa bãi - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép... - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.. - Lắng nghe và tôn trọng người khác - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận 	

<p>MT86: Biết chờ đến lượt (CS 47)</p> <p>MT87: Biết lắng nghe ý kiến trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn (CS 48)</p> <p>MT88: Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn tự tin lắng nghe ý kiến trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn - Tìm cách giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) 	
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
<p>MT89: Bỏ rác đúng nơi quy định</p> <p>MT90: Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc</p> <p>MT91: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả nước bừa bãi, bẻ cành, hái hoa..) (CS 56)</p> <p>MT92: Tiết kiệm trong sinh hoạt tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bỏ rác đúng nơi quy định. - Phân biệt được các loại rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Dạy trẻ không dẫm lên cây, bẻ cành hái hoa - Nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả nước bừa bãi, bẻ cành, hái hoa..) - Tiết kiệm trong sinh hoạt tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn - Dạy trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Có ý thức tiết kiệm điện, nước 	
<i>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</i>		
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
<p>MT93: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc.. 	

<p>đẹp của các sự vật hiện tượng</p> <p>MT94: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p> <p>MT95: Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dạng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình (CS 38)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện phù hợp - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dạng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình 	
<p>Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>		
<p>MT96: Hát đúng giai điệu, lời ca hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ...</p> <p>MT97: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái , nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)</p> <p>MT98: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm</p> <p>MT99: Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CS 119)</p> <p>MT100: Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CS 119)</p> <p>MT101: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối</p> <p>MT102: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng , màu sắc hài hòa, bố cục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca hát diễn cảm phù hợp với sắc thái , tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái , nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) - Lựa chọn phù hợp các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm - Phối hợp cá kĩ năng vẽ, tạo ra sản phẩm - Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối - Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối - Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng , màu sắc hài hòa, bố cục cân đối 	

<p>cân đối</p> <p>MT103: Nhận xét các sản phẩm tạo hình(màu sắc, bố cục, hình dáng...)</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm</p>	
<p><i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i></p>		
<p>MT104: Nói được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</p> <p>MT105: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn</p> <p>MT106: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình (CS 117)</p> <p>MT107: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích (CS 118)</p>	<p>- Nói ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</p> <p>- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn</p> <p>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p> <p>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh</p> <p>- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ nguyên liệu để tạo ra sản phẩm</p>	

